TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 150/2019/HNGĐ-ST Ngày 04-11-2019 V/v: "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

T phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Bà Vũ Thị Dư

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Mầm

2. Bà Nguyễn Thị Bạn

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Nguyệt Ánh – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 04 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 571/2019/TLST-HNGĐ ngày 23/7/2019 về "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2019/QĐXX-ST ngày 23 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 123/2019/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hồ Tân T – Sinh năm 1978 (Có mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hằng N – Sinh năm 1979 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: đường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Hồ Nguyên L1 - Công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên T – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 7 năm 2019 và quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Ông Hồ Tân T và bà Nguyễn Thị

Hằng N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 13/12/2000.

Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc, tuy nhiên thời gian sau không còn hạnh phúc nữa, cả hai bên đều thấy quá khác biệt về quan điểm sống, không thể hoà hợp, mặc dù hai bên đã cố gắng hàn gắn. Từ năm 2015, vợ chồng sống với nhau tại nhà mẹ ông T tại đường L, thành phố B nhưng gần như không nói chuyện với nhau, sau đó sống ly thân mỗi người một nơi từ 6/2017 cho đến nay. Nay ông T xét thấy tình cảm, tình thương yêu vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với bà N.

Về con chung: Vợ chồng ông T - bà N có 02 con chung là Hồ Thị Thanh L2 – Sinh ngày 21/4/2001 và cháu Hồ Tân P – sinh ngày 28/11/2013. Hồ Thị Thanh L2 đã thành niên, phát triển bình thường về thể lực và trí lực nên không yêu cầu Tòa giải quyết. Khi ly hôn, ông T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu P đến khi thành niên và không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay ông T là giáo viên dạy toán Trường THPT B, tiền lương 6.800.000 đồng/tháng, ngoài tiền lương thì còn có thu nhập từ việc dạy thêm, và đang ở cùng mẹ ông T tại căn nhà đường L, thành phố B; Căn nhà này cũng có một phần tài sản của ông T được thừa kế từ cha ông T, còn bà N trước đây là giáo viên, hiện đã nghỉ dạy, nơi ở phải đi thuê; Do đó điều kiện để ông T nuôi cháu Ptốt hơn bà N. Thời gian vợ chồng ly thân, bà N dọn ra ngoài, cháu P và cháu L2 sống với bà N, hàng tháng ông T vẫn có trách nhiệm với các cháu: đóng tiền học cho các cháu và đưa các cháu đi ăn. Nếu Tòa án giao cháu Pcho bà N trực tiếp nuôi dưỡng thì ông T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu P mức 1.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Không có

Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Hằng N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, con chung giữa bà N và ông T như ông T trình bày trên là đúng.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Vợ chồng sống bình thường đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn và căng thẳng từ năm 2013 cho đến nay; Nguyên nhân do ông T không có trách nhiệm với vợ, con, không chung thuỷ, đã ngoại tình, bà N đã khuyên nhủ, tha thứ nhiều lần nhưng ông T vẫn không thay đổi. Đến tháng 6/2017 vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay bà N xét thấy tình cảm, tình thương yêu vợ chồng không còn, nhưng bà N không đồng ý ly hôn, bà N muốn cháu L2 học xong đại học và cháu P trưởng thành thì mới đồng ý ly hôn.

Về con chung: Từ khi ly thân, hai con chung là cháu L2và cháu P đều ở với bà N và do bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu Toà án giải quyết cho ông T ly hôn với bà N thì đối với cháu Lam đã thành niên, cả hai đều phải lo cho cháu L2 học xong đại học và bà N có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu P đến khi thành niên. Trong thời gian ly thân, ông T chỉ đóng tiền học cho cháu L2 1.100.000 đồng/tháng, tiền học cho cháu P 900.000 đồng/tháng và thỉnh thoảng có đưa các cháu đi ăn chứ không đưa tiền để bà N nuôi các cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi cháu P với mức cấp dưỡng 5.000.000 đồng/ tháng đến khi cháu P đủ 18 tuổi. Bà N đã xin nghỉ dạy học để lấy tiền bảo hiểm cho cháu L2 học đại học. Hiện nay bà N kinh doanh quán cà phê cùng với em trai bà N thu nhập trung bình 20.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là chiếc xe Air Blade, biển số 47-B1-41689, vợ chồng đã thoả thuận là ông T sẽ giao xe cho cháu L2 nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về công nợ: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu của nguyên đơn thì đây là vụ án "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà Nguyễn Thị Hằng N và ông Hồ Tân T tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 13/12/2000, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảovệ .

Quá trình duy trì hôn nhân bà N – ông T sống hạnh phúc đến năm 2003 thì mâu thuẫn phát sinh và căng thẳng từ 2015 cho tới nay; Nguyên nhân do quan điểm bất đồng, vợ chồng không có sự cảm thông chia sẻ, tin tưởng nhau trong quan hệ tình cảm và đã tự sống ly thân từ tháng 6 năm 2017 đến nay, suốt trong quá trình sống ly thân cả hai bên đều không tìm được biện pháp gì để hàn gắn tình cảm, giải quyết mâu thuẫn mà bỏ mặc ai nấy sống không quan tâm tới nhau. Bà N xác định tình cảm, tình thương yêu vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã kéo dài và ở mức trầm trọng không thể hàn gắn được, nhưng bà N không chấp nhận ly hôn thời điểm này mà để cháu L2 học xong đại học, cháu P trưởng thành, khi đó bà N mới đồng ý ly hôn là không thể chấp nhận được. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng bà N – ông T đã kéo dài và ở mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không

đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn bà N của ông T là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Bà N – ông T có 02 con chung là cháu Hồ Thị Thanh L2 – Sinh ngày 21/4/2001 và cháu Hồ Tân P – sinh ngày 28/11/2013. Cháu L2 đã thành niên, phát triển bình thường về thể lực và trí lực nên không yêu cầu tòa giải quyết. Từ khi ông T và bà N ly thân, bà N dọn ra ngoài ở thì cả hai con chung đều do bà N trực tiếp nuôi dưỡng, cháu L2 và cháu P đều phát triển bình thường và học tập tốt, hiện cháu L2 đã vào đại học; Mặc dù ông T có điều kiện cơ sở vật chất tốt hơn bà N; nhưng để đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu P nên giao cháu P cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên và ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu P là phù hợp; Tuy nhiên mức cấp dưỡng bà N yêu cầu ông T cấp dưỡng là quá cao so với thu nhập của ông T, mà mức cấp dưỡng nuôi cháu P 1.500.000 đồng/tháng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung: Ông T và bà N đều không yêu cầu giải quyết .

Về công nợ: Không có.

[3] Về án phí: Ông T phải chịu án phí ly hôn và cấp dưỡng sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015 .

Áp dụng: Điểm a Khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Hồ Tân T và bà Nguyễn Thị Hằng N.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao con chung chưa T niên là Hồ Tân P – sinh ngày 28/11/2013 cho bà Nguyễn Thị Hằng N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên.

2.2 Ông Hồ Tân T phải đóng góp nuôi con với bà Nguyễn Thị Hằng N số tiền là 1.500.000 đồng/tháng (một triệu năm trăm nghìn đồng một tháng) từ nay cho đến khi cháu Hồ Tân P thành niên (đủ 18 tuổi).

Ông Hồ Tân T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết và xác định không có công nợ .

4. ***Về án phí***: Ông Hồ Tân T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con; khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà ông Hồ Tân T đã nộp tại chi cục thi hành án dân sự thành phố B theo biên lại thu tiền số: 0002002 ngày 17/7/2019; Ông T còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thị hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự"*.

Nơi nhận:
-P.NV&THA TA tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND TP.BMT;
-CCTHADS TP.B;
-UBND xã Đ,
h. Đ, tỉnh Đắk Lắk;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Thị Dư